

SỞ GD&ĐT TUYÊN QUANG
ĐỀ THI THAM KHẢO

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN THI: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

Câu 1: (ID: 758625) Huyện đảo nằm cách xa đất liền nhất của nước ta là

- A. Hoàng Sa. B. Phú Quốc. C. Phú Quý. D. Trường Sa.

Câu 2: (ID: 758626) Đặc điểm nổi bật của thiên nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nước ta là

- A. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.
B. đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi có hướng vòng cung.
C. địa hình cao, các dãy núi xen thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam.
D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

Câu 3: (ID: 758627) Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ có nền nhiệt cao hơn vùng khí hậu Đông Bắc Bộ chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Tác động gió mùa Đông Nam với bức chắn địa hình, gió phơn vào mùa hạ.
B. Gió Tây khô nóng kết hợp với dãy Hoàng Liên Sơn, gió mùa Đông Bắc yếu.
C. Ảnh hưởng của gió phơn, gió mùa Đông Bắc kết hợp dãy Hoàng Liên Sơn.
D. Tác động của Tín phong bán cầu Bắc, dãy Hoàng Liên Sơn với các gió mùa.

Câu 4: (ID: 758628) Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với dân số nước ta?

- A. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
B. Gia tăng dân số tự nhiên ngày càng giảm.
C. Dân cư phân bố hợp lý giữa thành thị và nông thôn.
D. Đang có biến đổi nhanh về cơ cấu theo nhóm tuổi.

Câu 5: (ID: 758629) Vấn đề việc làm ở nước ta ngày càng được giải quyết tốt hơn chủ yếu do

- A. đa dạng các hoạt động kinh tế. B. phân bố lại dân cư và lao động.
C. chất lượng lao động tăng nhanh. D. thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 6: (ID: 758630) Phát biểu nào sau đây **không đúng** với khu vực dịch vụ trong cơ cấu GDP nước ta?

- A. Kết cấu hạ tầng kinh tế và đô thị phát triển. B. Có những bước tăng trưởng ở một số mặt.
C. Dịch vụ đóng góp nhỏ vào cơ cấu kinh tế. D. Nhiều loại hình dịch vụ mới được ra đời.

Câu 7: (ID: 758631) Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho thành phần kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta hiện nay?

- A. Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP. B. Chi phối tất cả các thành phần kinh tế khác.
C. Giữ gìn các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt. D. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới nhiều nhất.

Câu 8: (ID: 758632) Vùng có sản lượng lúa lớn nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Bắc Trung Bộ.

B. Đông Nam Bộ.

D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 9: (ID: 758633) Vùng nào sau đây có tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất ở nước ta hiện nay?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Đông Nam Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 10: (ID: 758634) Biểu hiện nào dưới đây cho thấy Đông Nam Bộ là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao bậc nhất cả nước?

A. Tỉ trọng giá trị công nghiệp hàng đầu cả nước.

B. Các trung tâm công nghiệp quy mô lớn nhất.

C. Tập trung nhiều trung tâm công nghiệp nhất.

D. Những trung tâm công nghiệp ở rất gần nhau.

Câu 11: (ID: 758635) Đặc điểm nổi bật của ngành bưu chính nước ta là

A. tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp.

B. mạng lưới phân bố đều khắp ở các vùng.

C. có trình độ kĩ thuật - công nghệ hiện đại.

D. đã ngang bằng trình độ chuẩn của khu vực.

Câu 12: (ID: 758636) Đông Nam Bộ phát triển mạnh cây

A. dược liệu.

B. lúa.

C. dừa.

D. cao su.

Câu 13: (ID: 758637) Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

A. Quảng Ngãi.

B. Đà Nẵng.

C. Quảng Nam.

D. Khánh Hoà.

Câu 14: (ID: 758638) Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

A. nguồn khoáng sản đa dạng và năng lượng dồi dào.

B. cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng hoàn thiện.

C. thị trường rộng và nguồn lao động có chất lượng.

D. vị trí địa lí chiến lược, gần vùng kinh tế trọng điểm.

Câu 15: (ID: 758639) Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

A. đất phù sa ngọt.

B. đất xám.

C. đất mặn.

D. đất phèn.

Câu 16: (ID: 758640) Tài nguyên thiên nhiên nổi bật của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

A. thủy sản.

B. du lịch biển.

C. dầu mỏ và khí đốt.

D. đất đỏ ba dan.

Câu 17: (ID: 758641) Nguyên nhân cơ bản nào sau đây dẫn đến phải khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển?

A. Tài nguyên biển bị suy giảm nghiêm trọng.

B. Đảm bảo sự phát triển bền vững.

C. Môi trường biển dễ bị chia cắt.

D. Môi trường biển mang tính biệt lập.

Câu 18: (ID: 758642) Mục đích chủ yếu phát triển vùng Trung Bộ là chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc

A. phát huy thế mạnh, phát triển sản xuất hàng hoá, gắn với công nghiệp.

B. thay đổi cách thức sản xuất, tạo ra việc làm, nâng cao vị thế của vùng.

C. tăng nông sản, tạo nguyên liệu cho công nghiệp, phân bổ lại sản xuất.

D. tăng trưởng sản xuất, đổi mới trồng trọt, thay đổi hình ảnh nông thôn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: (ID: 758409) Cho thông tin sau:

Trong cả nước đâu đâu cũng có hai mùa mưa và khô, tuy các mùa đó có dài ngắn khác nhau và có lệch pha với nhau ở chỗ này hoặc chỗ khác, cho nên sông ngòi mọi nơi đều có hai mùa lũ và cạn rất tương phản nhau. Nói chung, sông có lũ lớn vào mùa mưa và cạn vào mùa khô, nhưng do tính chất của khí hậu và thủy văn có những nét riêng, mà những tháng cực đại của hai thành phần tự nhiên đó không máy móc trùng khớp nhau, mà có sự lệch nhau nhất định tại những nơi nào đó.

- a) Nhịp điệu dòng chảy sông ngòi nước ta theo sát nhịp điệu mùa của khí hậu.
- b) Thời gian mùa lũ và mùa cạn có sự khác nhau giữa các hệ thống sông.
- c) Khí hậu nước ta khá ôn hòa nên sông ngòi cũng có chế độ nước điều hòa.
- d) Thời gian đỉnh lũ của các con sông trùng khớp với thời gian đỉnh mưa của khí hậu.

Câu 2: (ID: 758410) Cho thông tin sau:

Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật cho phép, nhất là trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Đây là thành phần kinh tế phát huy nguồn lực trong nhân dân, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các địa phương và cả nước.

- a) Thành phần kinh tế ngoài Nhà nước chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu nền kinh tế.
- b) Kinh tế tập thể với nòng cốt là các hợp tác xã đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- c) Việc xuất hiện nhiều hình thức sở hữu trong thành phần kinh tế Nhà nước góp phần thu hút nguồn vốn đầu tư lớn.
- d) Việc chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế góp phần giải phóng sức sản xuất, sử dụng hiệu quả nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 3: (ID: 758411) Cho bảng số liệu:

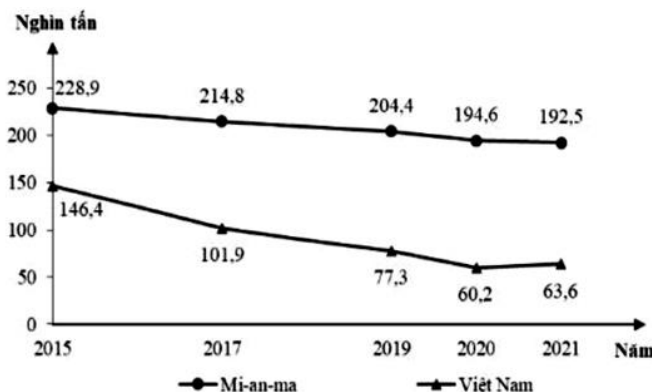
Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ở Duyên hải Nam Trung Bộ, giai đoạn 2010 - 2023,
(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2021	2023
Khai thác	707,1	1167,9	1219,5
Nuôi trồng	80,8	101,3	109,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê 2024)

- a) Sản lượng thủy sản nuôi trồng giảm.
- b) Sản lượng thủy sản khai thác thủy sản tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng 1,7 lần.
- c) Tỉ trọng sản lượng nuôi trồng thủy sản Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2023 là 52%.
- d) Sự thay đổi sản lượng thủy sản khai thác chủ yếu là do đẩy mạnh khai thác xa bờ, đầu tư tàu công suất lớn với trang thiết bị hiện đại.

Câu 4: (ID: 758430) Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG GẠO CỦA MI-AN-MA VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021
(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Mi-an-ma giảm nhanh hơn Việt Nam.
- b) Mi-an-ma giảm, Việt Nam tăng.
- c) Việt Nam giảm nhanh hơn Mi-an-ma.
- d) Việt Nam giảm ít hơn Mi-an-ma.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: (ID: 758431) Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại Vũng Tàu, năm 2021

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}C$)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Cho biết nhiệt độ trung bình năm 2021 tại Vũng Tàu là bao nhiêu $^{\circ}C$? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 2: (ID: 758432) Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022 (Đơn vị : %)

Năm	2010	2015	2019	2020	2021	2022
Tỉ lệ sinh	17,1	16,2	16,3	16,3	15,7	15,2
Tỉ lệ tử	6,8	6,8	6,3	6,06	6,4	6,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 2 chữ số thập phân của %)

Câu 3: (ID: 758433) Cho bảng số liệu:

Diện tích cây công nghiệp ở nước ta giai đoạn 2010 - 2021 (Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2021
Cây công nghiệp hàng năm	797,6	676,8	457,8	425,9
Cây công nghiệp lâu năm	2015,5	2150,5	2185,8	2200,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Diện tích cây công nghiệp lâu năm chiếm bao nhiêu % diện tích cây công nghiệp nước ta năm 2021%? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 4: (ID: 758434) Cho bảng số liệu:

Sản lượng điện của nước ta, giai đoạn 2010 - 2021

Năm	2010	2015	2020	2021
Điện (tỉ kWh)	91,7	157,9	231,5	244,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, NXB Thống kê, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của nước ta năm 2021 so với năm 2010 (coi năm 2010 = 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 5: (ID: 758435) Cho bảng số liệu:

Diện tích, sản lượng lúa ở Đồng bằng sông Hồng và cả nước, năm 2021

Vùng	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Diện tích (nghìn ha)	970,3	7238,9
Sản lượng (nghìn tấn)	6020,4	43852,6

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Cho biết năm 2021 năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng cao hơn cả nước là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của tạ/ha)

Câu 6: (ID: 758436) Năm 2021, đồng bằng sông Cửu Long có diện tích trồng lúa là 3,9 triệu ha, năng suất lúa đạt 62,3 tạ/ha. Hỏi sản lượng lúa của đồng bằng là bao nhiêu? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất của triệu tấn)

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.D	2.C	3.B	4.C	5.A	6.C	7.C	8.A	9.A	10.C
11.A	12.D	13.D	14.A	15.D	16.C	17.B	18.A		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức phần vùng biển Việt Nam (xem trong Bản đồ).

Cách giải:

Huyện đảo nằm cách xa đất liền nhất của nước ta là Trường Sa.

Chọn D.

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần Thiên nhiên phân hóa đa dạng.

Cách giải:

Đặc điểm nổi bật của thiên nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nước ta là địa hình cao, các dãy núi xen thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam. Đây là miền có địa hình cao nhất cả nước với nhiều đỉnh núi cao trên 2000 m. Khu vực Tây Bắc có dãy Hoàng Liên Sơn kéo dài theo hướng tây bắc đông nam, giáp biên giới Việt – Lào là các dãy núi trung bình với độ cao khoảng 1800 m; trung tâm là các dãy núi, cao nguyên đá vôi xen kẽ những bồn địa, lòng chảo. Ở Bắc Trung Bộ, vùng núi Trường Sơn Bắc có các dãy núi chạy song song và so le nhau theo hướng tây bắc đông nam và mở rộng về phía biển.

Chọn C.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Vận dụng Kiến thức bài học phần Thiên nhiên phân hóa đa dạng và thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ có nền nhiệt cao hơn vùng khí hậu Đông Bắc Bộ chủ yếu là do gió Tây khô nóng kết hợp với dãy Hoàng Liên Sơn, gió mùa Đông Bắc yếu.

- Gió Tây khô nóng và dãy Hoàng Liên Sơn: Vào mùa hè, gió Tây khô nóng thổi vào Việt Nam. Khi đi qua Hoàng Liên Sơn, gió trở nên khô và nóng hơn, tạo ra hiệu ứng phơn ở khu vực Tây Bắc Bộ, làm tăng nhiệt độ trong vùng này.

- Gió mùa Đông Bắc yếu: Gió mùa Đông Bắc, vốn là yếu tố làm giảm nhiệt độ vào mùa đông ở miền Bắc, tác động yếu hơn đối với khu vực Tây Bắc Bộ. Do vậy, vào mùa hè, Tây Bắc vẫn chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng, trong khi Đông Bắc Bộ lại có sự tác động mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc, tạo ra nhiệt độ thấp hơn.

Chọn B.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phân lao động nước ta.

Cách giải:

Dân cư nước ta phân bố không đều giữa thành thị và nông thôn. Năm 2021, tỉ lệ dân thành thị chiếm 36,7%. Tỉ lệ dân số nông thôn là 63,3%.

Chọn C.

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phân vấn đề việc làm nước ta.

Cách giải:

Việc giải quyết vấn đề việc làm ở Việt Nam ngày càng được cải thiện chủ yếu nhờ vào việc đa dạng hóa các hoạt động kinh tế. Các ngành nghề và lĩnh vực kinh tế ngày càng phong phú, từ nông nghiệp, công nghiệp đến dịch vụ, đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân. Các lĩnh vực như công nghệ thông tin, du lịch, xây dựng, và sản xuất chế biến ngày càng phát triển, giúp giảm tỉ lệ thất nghiệp và cải thiện tình hình việc làm ở nhiều khu vực trong cả nước.

Chọn A.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phân cơ cấu kinh tế.

Cách giải:

Dịch vụ đóng góp quan trọng vào cơ cấu kinh tế. Trong cơ cấu GDP nước ta năm 2021, tỉ trọng khu vực dịch vụ cao nhất, chiếm 41,2%.

Chọn C.

Câu 7 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phân chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần.

Cách giải:

Nguyên nhân chủ yếu làm cho thành phần kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta hiện nay là nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt như điện, dầu khí, ngân hàng, hàng không, viễn thông và các lĩnh vực quan trọng khác có ảnh hưởng lớn đến sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Những ngành này yêu cầu vốn lớn và tầm ảnh hưởng sâu rộng, do đó Nhà nước vẫn đóng vai trò chủ đạo trong việc điều hành và quản lý.

Chọn C.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần sản xuất cây lương thực.

Cách giải:

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lúa và xuất khẩu gạo trọng điểm của cả nước. Năm 2021, vùng có diện tích gieo trồng lúa khoảng gần 4 triệu ha (chiếm hơn 53% diện tích cả nước) và sản lượng đạt khoảng 24,3 triệu tấn (chiếm hơn 55% sản lượng cả nước).

Chọn A.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần công nghiệp.

Cách giải:

Đồng bằng sông Hồng có tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất ở nước ta hiện nay với 36,9% năm 2021.

Chọn A.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần công nghiệp.

Cách giải:

Đông Nam Bộ Tập trung nhiều trung tâm công nghiệp nhất. Năm 2021, Đông Nam Bộ có 99 khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động, chiếm 34,4% cả nước. Đồng Nai, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh là các địa phương có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất nhất vùng.

Các trung tâm công nghiệp của vùng là: Thành phố Hồ Chí Minh. Biên Hoà, Vũng Tàu, Thuận An, Thủ Dầu Một, Dĩ An.

Chọn C.

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần bưu chính viễn thông.

Cách giải:

Đặc điểm nổi bật của ngành bưu chính nước ta là tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp.

- Ngành bưu chính tập trung vào việc đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước với nhiều loại hình dịch vụ như thư tín, bưu phẩm, chuyển phát nhanh, logistic,...

- Hệ thống bưu cục phủ sóng trên toàn quốc, từ thành phố đến vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Theo thống kê, Việt Nam có hàng chục nghìn điểm phục vụ bưu chính, đảm bảo khả năng tiếp cận dịch vụ cho tất cả người dân.

Ngành bưu chính kết hợp với các phương thức vận chuyển đa dạng như đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường thủy để đảm bảo hàng hóa, thư từ được luân chuyển nhanh chóng.

Chọn A.

Câu 12 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Đông Nam Bộ phát triển mạnh cây cao su. Cây cao su là loại cây ưa sáng và ưa ẩm, cao su thích hợp với khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nhiệt độ trung bình từ 25 - 30°C, lượng mưa hàng năm từ 1500-2000mm và phân bố đều trong năm. Đông Nam Bộ là vùng có điều kiện thuận lợi để phát triển cây cao su với khí hậu nhiệt đới gió mùa, đất đỏ bazan màu mỡ và lượng mưa dồi dào. Đây cũng là vùng trồng cao su lớn nhất cả nước, tập trung chủ yếu ở các tỉnh như Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương và một phần ở Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chọn D.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Cách giải:

Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hoà.

Chọn D.

Câu 14 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Trung du miền núi Bắc Bộ là nguồn khoáng sản đa dạng và năng lượng dồi dào như than, sắt, mangan, thiếc, đồng, niken, vàng, apatit, đá vôi, đất sét.

Chọn A.

Câu 15 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là đất phèn (1,6 triệu ha), tiếp theo là đất phù sa ngọt (1,2 triệu ha), đất mặn (0,7 triệu ha) và cuối cùng là các nhóm đất khác (0,4 triệu ha).

Chọn D.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần các vùng kinh tế trọng điểm.

Cách giải:

Tài nguyên thiên nhiên nổi bật của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là dầu mỏ và khí đốt, tập trung chủ yếu ở thềm lục địa phía Nam, đặc biệt tại bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn. Một số mỏ quan trọng: Bạch Hổ, Rồng, Đại Hùng, Sư Tử Trắng, Sư Tử Đen, Rạng Đông, Lan Tây, Lan Đỏ. Khai thác dầu khí đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy lọc dầu và công nghiệp hóa dầu.

Chọn C.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Phân tích kiến thức bài học phần kinh tế vùng biển và quần đảo nước ta.

Cách giải:

Nguyên nhân cơ bản phải khai thác tổng hợp tài nguyên vùng biển để đảm bảo phát triển bền vững:

- Tính đa dạng và liên kết tài nguyên: Các tài nguyên biển có mối quan hệ chặt chẽ, cần khai thác hợp lý để tránh mất cân bằng sinh thái.
- Hạn chế tác động môi trường: Khai thác đơn lẻ có thể gây ô nhiễm, suy giảm tài nguyên và ảnh hưởng đến các ngành kinh tế khác.
- Tối ưu hiệu quả kinh tế: Giúp sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm xung đột giữa các ngành, phát triển kinh tế lâu dài.
- Ứng phó với biến đổi khí hậu: Bảo vệ hệ sinh thái biển, giám sát động từ nước biển dâng và biến đổi khí hậu.

Chọn B.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Phân tích kiến thức bài học phần Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Mục đích chủ yếu phát triển vùng Trung Bộ là chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc phát huy thế mạnh (đất feralit, khí hậu nhiệt đới gió mùa, nguồn nước phong phú,...), phát triển sản xuất hàng hoá, hình thành các vùng chuyên canh lớn gắn với công nghiệp, hình thành các vùng chuyên canh lớn, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Chọn A.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐĐSS	ĐSĐĐ	SSSĐ	SSĐS

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần sông ngòi, khí hậu).

Cách giải:

- a) Đúng. Nhịp điệu dòng chảy của các con sông nước ta phụ thuộc vào mùa khí hậu, với mùa mưa là mùa lũ và mùa khô là mùa cạn.
- b) Đúng. Thời gian mùa lũ và mùa cạn có sự khác biệt giữa các hệ thống sông do đặc điểm khí hậu và thủy văn tại từng vùng. VD: Mùa lũ của sông Hồng từ tháng 6 đến tháng 10, mùa lũ của sông Cửu Long từ tháng 7 đến tháng 11.
- c) Sai. Khí hậu nước ta có sự phân hóa giữa các vùng miền, nên chế độ nước của sông ngòi cũng có sự phân hóa. Thời gian mùa lũ và mùa cạn có sự khác biệt giữa các hệ thống sông do đặc điểm khí hậu và thủy văn tại từng vùng.
- d) Sai. Thời gian đỉnh lũ không trùng khớp với thời gian đỉnh mưa vì chúng có sự lệch pha ở một số nơi. Do tính chất của khí hậu và thủy văn có những nét riêng, mà những tháng cực đại của hai thành phần tự nhiên đó không máy móc trùng khớp nhau, mà có sự lệch nhau nhất định tại những nơi nào đó.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế.

Cách giải:

- a) Đúng. Thành phần kinh tế ngoài Nhà nước chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu nền kinh tế.

Bảng 9. Cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế ở nước ta giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: %)

Thành phần \ Năm	2010	2015	2020	2021
Kinh tế Nhà nước	29,3	22,8	20,7	21,2
Kinh tế ngoài Nhà nước	43,0	50,6	50,5	50,1
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	15,2	17,5	20,0	20,0
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	12,5	9,1	8,8	8,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

b) Sai.

c) Đúng. Việc xuất hiện nhiều hình thức sở hữu trong thành phần kinh tế Nhà nước giúp gia tăng khả năng thu hút vốn đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau, đặc biệt là nguồn vốn tư nhân và nước ngoài, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế.

d) Đúng. Việc chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế sẽ giúp khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đồng thời thúc đẩy sự phát triển và tăng trưởng kinh tế thông qua việc nâng cao năng suất lao động và cải thiện các ngành nghề có giá trị cao.

- Khi chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, sẽ thúc đẩy việc sử dụng lao động một cách hiệu quả hơn, từ đó nâng cao năng suất lao động và giảm sự lãng phí trong các ngành kinh tế kém hiệu quả.

- Cơ cấu kinh tế khi chuyển dịch có thể tạo ra sự tập trung vào những ngành, lĩnh vực có tiềm năng phát triển mạnh, giúp tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực như tài nguyên thiên nhiên, nguồn vốn đầu tư, và nhân lực. Ví dụ, chuyển sang sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao thay vì chỉ tập trung vào nông sản sẽ giúp sử dụng nguồn lực tốt hơn và tạo ra giá trị kinh tế lớn hơn.

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế: Cơ cấu kinh tế hợp lý sẽ giúp gia tăng hiệu quả sản xuất, cải thiện năng suất lao động, và từ đó tạo ra sự tăng trưởng kinh tế bền vững. Khi các nguồn lực được phân bổ hợp lý, nền kinh tế có thể phát triển mạnh mẽ và ổn định, giảm sự phụ thuộc vào các ngành sản xuất ít hiệu quả hoặc có giá trị gia tăng thấp.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Áp dụng các công thức tính:

Tốc độ tăng trưởng sản lượng: Sản lượng năm cần tính : sản lượng năm gốc x 100

Tổng sản lượng = Sản lượng khai thác + Sản lượng nuôi trồng

Tỉ trọng nuôi trồng = Sản lượng nuôi trồng : Tổng sản lượng × 100

Cách giải:

a) Sai. Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong giai đoạn 2010 - 2023 tăng từ 80,8 nghìn tấn (2010) lên tới 109,6 nghìn tấn (2023), tăng 28,8 nghìn tấn.

b) Sai. Giai đoạn 2010 – 2023:

- Tốc độ tăng sản lượng thủy sản nuôi trồng = $109,6 : 80,8 \times 100 \approx 135,6\%$.

- Tốc độ tăng sản lượng thủy sản khai thác = $1219,5 : 707,1 \times 100 \approx 172,5\%$.

→ Sản lượng thủy sản khai thác thủy sản tăng nhanh hơn sản lượng hải sản nuôi trồng khoảng 1,3 lần.

c) Sai.

Tổng sản lượng thủy sản năm 2023 = $1219,5 + 109,6 = 1329,1$ nghìn tấn

Tỉ trọng nuôi trồng = $109,6 : 1329,1 \times 100 \approx 8,25\%$

d) Đúng. Sự thay đổi sản lượng thủy sản khai thác chủ yếu là do đẩy mạnh khai thác xa bờ, đầu tư tàu công suất lớn với trang thiết bị hiện đại.

- Vùng biển xa bờ có nguồn tài nguyên phong phú và ít bị khai thác cho phép đánh bắt nhiều hơn.

- Các tàu khai thác hải sản hiện đại có công suất lớn với trang thiết bị hiện đại như máy dò cá, công nghệ đánh bắt tự động, hệ thống định vị GPS và radar giúp các tàu thuyền xác định vị trí, tìm kiếm và khai thác hải sản một cách chính xác và hiệu quả hơn.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ, nhận xét sự tăng/giảm của sản lượng đậu tương Mi-an-ma và Việt Nam giai đoạn 2015 – 2021.

Lưu ý: tăng nhanh/chậm dùng phép chia; tăng ít/nhiều dùng phép trừ.

Cách giải:

a) Sai. Việt Nam giảm nhanh hơn Mi-an-ma. Giai đoạn 2015 – 2021: Mi-an-ma giảm từ 228,9 nghìn tấn xuống 192,5 nghìn tấn, giảm khoảng 36,4 nghìn tấn, giảm 1,2 lần. Việt Nam giảm từ 146,4 nghìn tấn xuống 63,6 nghìn tấn, giảm khoảng 82,8 nghìn tấn, giảm 2,3 lần.

b) Sai. Cả Việt Nam và Mianma đều giảm.

c) Đúng. Việt Nam giảm nhanh hơn Mi-an-ma. Giai đoạn 2015 – 2021: Mi-an-ma giảm từ 228,9 nghìn tấn xuống 192,5 nghìn tấn, giảm khoảng 36,4 nghìn tấn, giảm 1,2 lần. Việt Nam giảm từ 146,4 nghìn tấn xuống 63,6 nghìn tấn, giảm khoảng 82,8 nghìn tấn, giảm 2,3 lần.

d) Sai. Việt Nam giảm nhiều hơn Mi-an-ma. Giai đoạn 2015 – 2021: Mi-an-ma giảm khoảng 36,4 nghìn tấn. Việt Nam giảm từ 146,4 nghìn tấn xuống 63,6 nghìn tấn, giảm khoảng 82,8 nghìn tấn.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	27,9	0,12	83,8	267	1,5	24,3

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Công thức tính:

Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng : 12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình năm 2021 tại Vũng Tàu = $25,5 + 25,6 + 27,6 + 29 + 29,5 + 29,2 + 28,3 + 28,9 + 28,2 + 27,9 + 27,9 + 26,7 \approx 27,9^\circ\text{C}$

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính:

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên = (tỉ lệ sinh – tỉ lệ tử) : 10

Cách giải:

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 = $(15,2 - 6,1) : 10 = 0,91\%$.

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2010 = $(17,1 - 6,8) : 10 = 1,03\%$.

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 giảm đi 0,12% so với năm 2010.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính:

Tổng diện tích cây công nghiệp = diện tích cây công nghiệp lâu năm + diện tích cây công nghiệp hàng năm

Tỉ trọng cây CN lâu năm = diện tích cây công nghiệp lâu năm : tổng diện tích cây công nghiệp x 100

Cách giải:

Ta có:

Tổng diện tích cây công nghiệp năm 2021 = $425,9 + 2200,2 = 2626,1$ nghìn ha.

Tỉ trọng cây CN lâu năm = $2200,2 : 2626,1 \times 100 \approx 83,8\%$.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính:

Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện nước ta năm 2021 so với năm 2010 = Sản lượng năm 2021 : sản lượng năm 2010 x 100

Cách giải:

Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện nước ta năm 2021 = $244,9 : 91,7 \times 100 \approx 267\%$.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính: Năng suất lúa = Sản lượng lúa : Diện tích gieo trồng

Cách giải:

1 tấn = 10 tạ

Ta có:

Năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng năm 2021 cao hơn năng suất lúa của cả nước là:

$$[(6020,4 : 970,3) \times 10] - [(43852,6 : 7238,9)] \times 10 \approx 1,5 \text{ tạ/ha}$$

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính: Sản lượng lúa = Diện tích gieo trồng x Năng suất lúa

Cách giải:

$$1 \text{ tấn} = 10 \text{ tạ}$$

$$\text{Đổi: } 62,3 \text{ tạ/ha} = 6,23 \text{ tấn/ha}$$

$$\text{Sản lượng lúa của đồng bằng sông Cửu Long năm 2021} = 3,9 \times 6,23 \approx 24,3 \text{ triệu tấn.}$$